TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST
Ngày 03-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng liên danh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng;

2. Ông Đỗ Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Đoàn Thuý Vân, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng liên danh*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần C (CAMEMCO). Địa chỉ: Số A N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số G đường C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ; là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 30 tháng 9 năm 2024); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ văn phòng đại diện: Số E L, khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Sử Thành P, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2024, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ

án, đại diện nguyên đơn Phạm Minh T trình bày:

Năm 2014, Công ty cổ phần C và Doang nghiệp tư nhân Sử Thành P hiện nay được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Đ có ký thỏa thuận sản xuất và lắp đặt dàn cầu sắt Bailey mạ kẽm qua sông Đ đấu nối trung tâm xã T vào tuyến Đ. Tại thời điểm ký kết, công ty Đ vẫn là Doanh nghiệp do ông Sử Thành P làm chủ. Ngày 12 tháng 11 năm 2015 Công ty cổ phần C đã hoàn thành việc sản xuất và lắp đặt dàn cầu sắt Bailey mạ kẽm qua sông Đ đấu nối trung tâm xã T vào tuyến Đ. Tổng giá trị hợp đồng là 3.985.483.914 đồng.

Công trình trên đã nghiệm thu và đã đưa vào sử dụng đã lâu. Nhưng đến nay Công ty cổ phần Đ, vẫn không thanh toán hết cho Công ty cổ phần C.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, Công ty cổ phần C có gửi Biên bản đối chiếu công nợ cho Công ty cổ phần Đ để xác nhận số tiền còn nợ là 132.541.502 đồng. Sau đó Công ty cổ phần Đ có xác nhận công nợ và gửi lại cho Công ty cổ phần C. Thời điểm này, Công ty cổ phần Đ đổi tên gọi lại Công ty cổ phần T1.

Công ty cổ phần C đã nhiều lần làm việc qua điện thoại và gửi văn bản cho Công ty cổ phần Đ yêu cầu thanh toán, nhưng không nhận được phản hồi.

Tính đến ngày 03 tháng 3 năm 2025, Công ty cổ phần Đ còn nợ Công ty cổ phần C số tiền là 67.541.502 đồng.

Nay Công ty cổ phần C yêu cầu Tòa Án giải quyết buộc Công ty cổ phần Đ thanh toán toàn bộ số nợ còn lại.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty cổ phần Đ không đến tòa làm việc cũng như không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty cổ phần C khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ từ việc thực hiện thoả thuận liên danh nên đây là tranh chấp hợp đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Công ty cổ phần Đ có địa chỉ tại thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty cổ phần Đ không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, chỉ có Công ty cổ phần C cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn

cứ vào những tài liệu chứng cứ này để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty cổ phần C khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Đ có trách nhiệm trả cho số tiền nợ là 67.541.502 đồng từ hợp đồng liên danh thực hiện công việc sản xuất và lắp đặt dàn cầu sát Bailey qua sông Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa Công ty cổ phần Đ và Công ty cổ phần C có thỏa thuận liên danh sản xuất và lắp đặt dàn cầu sắt Bailey mạ kẽm qua sông Đ đấu nối trung tâm xã T vào tuyến Đ. Tại thời điểm ký kết, Công ty cổ phần Đ chỉ là Doanh nghiệp tư nhân do ông Sử Thành P là chủ doanh nghiệp nhưng sau khi thực hiện công việc, Doanh nghiệp đã nhiều lần đổi tên và tên cuối cùng là Công ty cổ phần Đ. Quan hệ hợp đồng về kinh doanh, thương mại giữa các bên là có thật, phù hợp với quy định tại các Điều 388, 389, 401, 402 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Trong quá trình đó Công ty cổ phần Đ có xác nhận công nợ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các bên. Tại biên bản đối chiếu công nợ này có chữ ký và dấu xác nhận doanh nghiệp bị đơn với nội dung thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 132.541.502 đồng nhưng giảm trừ các khoản còn 115.609.844 đồng. Công ty cổ phần C chỉ yêu cầu Công ty cổ phần Đ trả số tiền 67.541.502 đồng do sau khi đối chiếu công nợ, bị đơn có tiếp tục thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền nguyên đơn yêu cầu nhỏ hơn số tiền công nợ mà hai bên đã đối chiếu. Do đó, áp dụng Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 4, Điều 317 của Luật Thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C, buộc Công ty cổ phần Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần C số tiền 67.541.502 đồng. Công ty cổ phần C không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu là 67.541.502 đồng x 5% = 3.377.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 388, 389, 401, 402 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 4, Điều 317 của Luật Thương mại; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty cổ phần Đ trả cho Công ty cổ phần C số tiền 67.541.502 (sáu mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm lẻ hai) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Công ty cổ phần Đ phải chịu 3.377.000 (ba triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn trả lại Công ty cổ phần C số tiền 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005638 ngày 04/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp